

Bản án số: 382/2024/HSPT
Ngày 26/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Thông**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Phạm Ngọc Thái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 459/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo **H Bích N**, **Hoàng Thị Bích P** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. H Bích N, sinh năm 1986 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: **Buôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 03/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Ê đê; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Y Ji A** và bà **H Bái N1** (cha mẹ đều đã chết); bị cáo có chồng là **Lê Kim T** và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/02/2023 đến ngày 22/3/2023, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Thị Bích P, sinh năm 1975 tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: **tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình

độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Phú H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thúy V; bị cáo không có chồng và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo H Bích N:

+ Luật sư Đặng Ngọc H1 - Văn phòng L7, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Luật sư Vũ Hoàn L và Luật sư Nguyễn Văn T1 - Công ty L8 - Ngân hàng, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: B ngõ C K, quận B, thành phố Hà Nội. đều có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Bích P: Luật sư Phạm Văn N2 - Văn phòng L9, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bị hại:

+ Ông Võ Tá B, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện C, Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L1: Chị Hoàng Thị L2, sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị L3, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã K, huyện M'D, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn E, xã K, huyện M'D, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Công T2; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Ông Y Dju N3 (Ama Trang); địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà **Phù Thị H3**; địa chỉ: **Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.
4. Ông **Hoàng Văn T3**; địa chỉ: **Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.
5. Bà **Hoàng Thị H4**; địa chỉ: **Thôn C, xã E, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.
6. Bà **Nguyễn Thị A1**; địa chỉ: **Thôn E, xã C, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.
7. Ông **Nguyễn Tiến D**; địa chỉ: **Thôn G, xã E, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk**, có mặt.
8. Ông **Nguyễn Tiến D**; địa chỉ: **Thôn B, xã E, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.
9. Ông **Ngô Mạnh L4**; địa chỉ: **Thôn C, xã E, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.
10. Ông **Lê Văn S**; địa chỉ: **Thôn B, xã C, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.
11. Bà **Nguyễn Thị H5**; địa chỉ: **Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.
12. Ông **Trần Xuân P1**; địa chỉ: **3 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.
13. Ông **Lê Văn M**; địa chỉ: **Tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, có đơn xin xét xử vắng mặt.
14. **Nguyễn Kiều N4**; địa chỉ: **Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt.
15. Bà **Hoàng Thị L5** - Hiện đang chấp hành án tại **Trại giam Đ1**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, **Hoàng Thị L5**, **H Bích N** và **Hoàng Thị Bích P** đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối với các bị hại là: **L5** cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho khoản vay của **L5** tại các Ngân hàng, sau đó **L5** sẽ vay lại để trả gốc và lãi cho bị hại, để các bị hại tin tưởng, giao tiền. **H B1** và **P** tìm những người có khả năng cho vay tiền và đưa những người này đến nhà **L5** giới thiệu để **L5** viết giấy vay tiền. Sau đó, các bị cáo dẫn các bị hại

đến các ngân hàng mà L5 nói cần đáo hạn để cùng nộp tiền vào ngân hàng nhưng khi đến nơi thì L5, H B2 và P lấy lý do sợ cán bộ tín dụng biết khó vay lại để bị hại không đi cùng mà giao luôn tiền cho Hoàng Thị L5 vào nộp. Sau khi nhận được tiền, L5 không thực hiện đáo hạn mà chiếm đoạt luôn số tiền vay được tiêu xài cá nhân hết, cụ thể:

1. H Bích N giúp sức cho Hoàng Thị L5 chiếm đoạt của 02 bị hại tổng số tiền là 2.130.000.000 đồng:

1.1. H Bích N giúp sức cho Hoàng Thị L5 chiếm đoạt của ông Võ Tá B, trú tại thôn I, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 850.000.000 đồng.

Khoảng đầu tháng 7/2015, H Bích N nói với ông Hoàng Công T2, là “hiện nay Hoàng Thị L5 đang thế chấp nhà và đất tại Ngân hàng A2 - Chi nhánh Đ2 - Phòng A2 (Ngân hàng A2 - Phòng A2) để vay số tiền 1.250.0000.000 đồng, còn nợ số tiền 850.000.000 đồng nên cần tìm người cho L5 vay số tiền còn nợ để đáo hạn ngân hàng, nếu tìm được người ông T2 được hưởng 30.000.000 đồng, sau khi đáo hạn L5 sẽ vay trả lại”, rồi H B2 đưa cho ông T2 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình L5. Ngày 20/7/2015, ông T2 tìm gặp ông Võ Tá B rồi truyền đạt lại nội dung trên và nhờ ông B đáo hạn giúp. Ông B đồng ý nhưng yêu cầu phải gặp trực tiếp L5 và H Bích để thỏa thuận.

Ngày 21/7/2015, ông T2 chở ông B đến quán C1 (nay đổi tên thành cà phê K) tại đường P, phường T, thành phố B gặp và được H Bích N dẫn đến nhà Hoàng Thị L5. Khi gặp, L5 nói với ông B là đang thế chấp 02 thửa đất và căn nhà đang ở để vay Ngân hàng số tiền 1.250.0000.000 đồng, còn nợ 850.000.000 đồng nên cần vay tiền để đáo hạn số tiền nợ, thời hạn vay 03 ngày, sau khi đáo hạn sẽ vay lại Ngân hàng trả nợ cho ông B, trường hợp Ngân hàng không cho vay lại sẽ thế chấp hết tài sản trên cho ông B. Ông B đề nghị L5 cho xem Hợp đồng tín dụng, thì H B2 nói đã đưa người khác nhờ làm hồ sơ vay Ngân hàng. Lúc này, ông T2 đưa cho ông B 01 bản phô to Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 3672813 mang tên Hoàng Thị L5 và Lê Văn M (góc phía dưới bên trái trang Nhất có dòng chữ “A Tạo 0913405315”) mà H B2 đã đưa cho ông T2 trước đó, thì ông B thấy thông tin thể hiện đúng thửa đất mà gia đình L5 đang ở. Ông T2 đưa ra lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu đồng/ngày, thì L5 đồng ý. Đến 17h00’ cùng ngày, ông B gọi điện thoại cho H B2 nói với L5 sáng hôm sau cùng chồng L5 đến Ngân hàng A2 để đáo hạn.

Khoảng 7h30’ ngày 22/7/2015, ông B gặp L5 và H B2 tại quán C2 gần Ngân hàng A2, Phòng A2, rồi cùng ngồi chờ ông M (chồng L5) đến cùng ký vào giấy vay tiền, một lúc sau L5 nói ông M đang đi giao hàng (xe Rùa) tại Đắk Nông không về kịp. Vì vậy, ông B đưa Giấy thế chấp tài sản để mượn tiền theo mẫu in

sẵn cho L5 viết nội dung vay số tiền 850.000.000 đồng và ghi tại mục “Lý do mượn tiền - Trả ngân hàng” là “PTNT phường Thành Nhất”, tại mục “Chúng tôi có the chap” Lan ghi nội dung “2 Bìa Đỏ nhà và Đất ở” rồi ký tên vào mục “Người vay”, H B2 ký vào mục “Người làm chứng”, rồi tất cả cùng vào Ngân hàng A2. Khi đến trước cổng của Ngân hàng A2 Phòng giao dịch T, L5 và H B2 đưa ra lý do sợ cán bộ tín dụng biết sẽ khó vay lại nên không cho ông B cùng đi vào, vì vậy ông B đã đưa số tiền 850.000.000 đồng đựng trong cặp sách cho L5, rồi cùng H B2 đứng chờ tại cổng. Khoảng 15 phút sau, H Bích lấy lý do đi đón em gái tại B nên đi trước. Khi H B2 đã đi, ông B gọi điện thoại cho H Bích để xin số điện thoại của ông Nguyễn Văn T4, cán bộ tín dụng Ngân hàng A2 và H nhắn tin cho ông B nội dung: “0979.325001. T5”, sau đó ông B quay lại quán cà phê Sa Viêng C ngồi chờ L5. Một lát sau, ông T2 điều khiển xe mô tô đến quán cà phê Sa Viêng C cùng ông B ngồi chờ L5. Sau khi nhận tiền từ ông B, L5 không nộp vào Ngân hàng A2 để đáo hạn như L5 và H B2 nói mà chiếm đoạt luôn số tiền đã nhận. Để ông B và ông T2 không phát hiện hành vi của mình, L5 đi đến quán cà phê nói với ông B là tiền L5 đã nộp vào Ngân hàng nhưng chồng L5 vừa bị tai nạn, phải đi gấp, không kịp lấy giấy nộp tiền, rồi L5 đưa bản chính Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của L5 cho ông B, dặn ông B ngày mai mang đến Ngân hàng A2 làm thủ tục giải ngân, rồi L5 đi về. Sau đó, ông B liên hệ với Ngân hàng thì được biết L5 không vay và không nộp khoản tiền nào vào Ngân hàng A2 - Chi nhánh T9, nên đã gọi điện cho H B2 thì H B2 nói không biết, rồi không nghe điện thoại của ông B nữa.

Tại Bản kết luận giám định số 163/PC54 ngày 24/3/2016 của Phòng K4, Công an tỉnh Đ đã kết luận:

- Chữ kí, chữ viết tên Hoàng Thị L5 dưới mục “Bên mượn tiền” và chữ viết có nội dung “Hoàng Thị L5; 1974; khối 2 T; 850.000.000; T6 trăm năm mươi triệu; 3 ngày; PTNT phường T; 2 Bìa đỏ; nhà và đất ở” trong Giấy thế chấp tài sản để mượn tiền là do bà Hoàng Thị L5 kí và viết ra.

- Chữ kí đứng tên H Bích N dưới mục “Người làm chứng” trong Giấy thế chấp tài sản để mượn tiền là do bà H Bích N ký ra.

- Chữ viết có nội dung “22/7/2015; 07/7/2015; Đac Lac; Ông: Nguyễn Văn M1; 1968” trong Giấy thế chấp tài sản để mượn tiền là do ông Võ Tá B viết ra”.

Tại Bản kết luận giám định số 287/PC54 ngày 11/3/2018 của Phòng K4, Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ viết photo copy có nội dung “A Tạo 0913405315” ở góc dưới bên trái trang 1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672813 do ông Võ Tá B, bà Nguyễn Thị Bích N5, bà H6 Buôn Krông so với Chữ viết photo copy có nội dung “A Tạo 0913405315” ở góc dưới bên trái trang 1 tại Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672813 mà Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cung cấp là có cùng nguồn gốc từ một bản chính”.

Tại Báo cáo V/v cung cấp dữ liệu cho cơ quan điều tra ngày 24/8/2015 của **Ngân hàng A2, Phòng A2** xác định: Ngày 22/7/2015, bà **Hoàng Thị L5** không có nộp tiền, chuyển tiền qua tài khoản cho ai tại **Phòng A2**.

Tại Công văn số 247/NHNoBĐL-KTNB ngày 29/01/2018 của **Ngân hàng N6, Chi nhánh Đ2**, thể hiện: Từ năm 2010 đến năm 2018, **Hoàng Thị L5** và **Lê Văn M** không vay vốn, trả nợ và có dư nợ tại **Ngân hàng A2**.

1.2. H Bích N giúp sức cho Hoàng Thị L5 chiếm đoạt của bà Phạm Thị L1, sinh năm 1972, nơi cư trú: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk số tiền 1.280.000.000 đồng.

Khoảng giữa tháng 10/2016, thông qua bà **Phù Thị H3**, trú tại **Tổ F, thị trấn P, huyện K**, **H Bích N** biết và có số điện thoại của bà **Phạm Thị L1** là người có khả năng cho vay tiền đáo hạn Ngân hàng, nên **H B2** gọi điện thoại cho bà **L1** hỏi vay tiền thì được bà **L1** hẹn gặp tại quán cà phê đối diện **Ngân hàng N6 - Chi nhánh E, huyện K**. Khi gặp bà **L1** thì **H B2** nói **Hoàng Thị L5** đang vay **Ngân hàng N6, Chi nhánh P2** (viết tắt là **A2 Chi nhánh P2**) số tiền 1.350.000.000 đồng cần đáo hạn, **H B2** là người giúp **L5** vay lại Ngân hàng, vì **H B2** có chồng làm Công an huyện Krông Pắc nên rất dễ liên hệ vay tiền, nếu bà **L1** đồng ý cho vay thì **H B2** sẽ đưa đến nhà gặp **L5** cùng thỏa thuận. Ngày 16/10/2016, khi bà **L1** đang đi dự đám cưới thì **H B2** gọi điện nói đi gặp **L5**. Bà **L1** đồng ý nên được **H B2** điều khiển xe mô tô đến chở bà **L1** đến nhà **L5** tại **tổ dân phố B, phường T, thành phố B**. Tại đây, **L5** nói với bà **L1** là có khoản vay tại **A2 Chi nhánh P2**, số tiền 1.350.000.000 đồng, tài sản thế chấp là 02 thửa đất gồm căn nhà mà **L5** đang ở và thửa đất xưởng sản xuất xe Rùa của gia đình **L5** ở cùng phường, khoản vay đến hạn trả nợ nên nhờ bà **L1** đáo hạn giúp, nếu bà **L1** đồng ý cho vay **L5** trả lãi suất 5.000.000 đồng, thời hạn 01 ngày sẽ vay trả Ngân hàng trả nợ cho bà **L1**. Bà **L1** yêu cầu đi xem xưởng sản xuất xe Rùa thì **L5** và **H B2** dẫn bà **L1** đi xem xưởng sản xuất xe Rùa của anh **T7** tại **Tổ dân phố A, phường T, thành phố B**. Tin tưởng **L5** và **H B2** nói thật và muốn có tiền lời nên bà **L1** đồng ý.

Ngày 07/11/2016, bà **L1** chuẩn bị số tiền 1.400.000.000 đồng đựng trong túi nylon, rồi thuê xe ô tô của anh **Hoàng Văn T3**, trú tại **thôn P, xã E, huyện K** chở đến nhà **L5**. Khi đến nhà **L5**, thì đã có **H Bích N** ở đó, rồi bà **L1** nhờ anh **T3** lấy số tiền 1.200.000.000 đồng từ trong túi nylon đưa cho **L5**. Thấy trong túi còn tiền nên **L5** nói với bà **L1** cho vay đủ 1.350.000.000 đồng và hứa trả giúp cho bà **Lý** 1.000.000 đồng tiền thuê xe của anh **T3**. Bà **L1** đồng ý cho **L5** vay thêm 80.000.000 đồng, tổng cộng là 1.280.000.000 đồng. Sau khi **L5** đếm tiền xong, bà **L1** yêu cầu

L5 viết thông tin vào 03 mẫu giấy biên nhận in sẵn gồm: “*Giấy mượn tiền*”, “*Giấy nhận tiền*” và “*Giấy cam kết*”. Trong khi viết giấy, L5 nói thời hạn trả cho thêm 01 ngày (tức thời hạn trả là ngày 09/11/2016) đề phòng hồ sơ trực trặc không kịp vay lại ngân hàng thì bà L1 đồng ý. Khi ghi số tiền vay, L5 cộng cả tiền lãi 5.000.000 đồng/ngày và tiền thuê xe ô tô là 1.000.000 đồng vào số tiền thực nhận nêu trên thành tiền là 1.286.000.000 đồng vào “*Giấy mượn tiền*” thì bà L1 không đồng ý vì không muốn thể hiện tiền lãi vào biên nhận, bà L1 yêu cầu L5 viết lại nhưng do không còn mẫu in sẵn của G mượn tiền nên L5 xóa chữ “*Cả*” viết đề lên thành chữ “*Mượn*”; chữ “*Cộng*”, L5 gạch thêm một nét đứng với ý thành chữ “*Không*”, rồi L5 ký vào mục người vay. Sau đó, bà L1 nhờ anh T3 (là người điều khiển xe chở bà L1), L5 và H B2 đến A2 Chi nhánh P2 để thực hiện nộp tiền đáo hạn. Khi ra khỏi nhà, bà L1 nhờ anh T3 giữ số tiền nêu trên mà không để cho L5 cầm. Khi đến A2 Chi nhánh P2, bà L1 nói phải có ông Lê Văn M (chồng của L5) ký giấy biên nhận nên tất cả ngồi chờ tại quán nước trên vỉa hè, cạnh A2 Chi nhánh P2. Khoảng 09h30’ cùng ngày, L5 lớn tiếng với H B2 về việc không đưa tiền để nộp vào Ngân hàng, thì H B2 kéo bà L1 đi ra khỏi quán nước và nói bà cứ đưa tiền cho L5 vào Ngân hàng nộp, chiều ông M về ký giải ngân cũng được. Lúc này, bà L1 yêu cầu H B2 phải chịu trách nhiệm nếu Ngân hàng không cho L5 vay lại thì H B2 đồng ý nên bà L1 quay lại quán nước chỗ bàn anh T3 đang ngồi, rồi bà L1 viết thêm dòng chữ: “*Hôm nay ngày 9/11/2016. Cô H B2 cùng Bà L5 đã mượn số tiền ghi trên và hẹn trả nợ đúng thời hạn ghi trên*” vào phía dưới chữ ký của L5 trong “*Giấy mượn tiền*” và nội dung: “*Hoàng Thị L5 + Bà B2 đã đồng ý và nợ tiền và nhận tiền cùng Bà L5 và ký tên*” vào phần trống tiếp theo chữ ký của bà L5 tại “*Giấy nhận tiền*” rồi yêu cầu H B2 ký tên vào mục “*Người làm chứng*”, trước khi ký H Bích ghi thêm hai chữ “*Trả tiền*” tiếp sau dòng chữ người làm chứng. Sau viết, ký xong các giấy biên nhận tiền nói trên, bà L1 nói anh T3 lấy tiền trên xe ô tô đưa cho L5, rồi L5 cầm tiền đi vào A2 - Chi nhánh P2, lấy lý do sợ cán bộ tín dụng biết nên L5 không cho bà L1 đi cùng. Sau khi đi vào Ngân hàng, L5 không làm thủ tục nộp tiền vào Ngân hàng mà đưa cho một người phụ nữ mặc áo khoác vàng ngồi chờ sẵn (*chưa xác định được danh tính*) để chiếm đoạt, rồi L5 giả vờ đến phòng giao dịch ngồi chờ nộp tiền. Khoảng 10 phút sau, L5 đi ra nói với bà L1 là đã nộp tiền vào Ngân hàng, chờ làm thủ tục giải ngân, còn H B2 thấy L5 ra nên lấy lý do đi khám bệnh để bỏ đi về trước. Đến gần 11h cùng ngày, A2 Chi nhánh P2 đóng cửa. Để bà L1 không nghi ngờ phát hiện, L5 nói thủ tục giải ngân làm chưa xong nên mời bà L1, anh T3 về nhà L5 nghỉ. Khi về đến nhà thì L5 lấy lý do chồng bị tai nạn giao thông nên phải đi gấp và đưa bản chính Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của L5 và nói bà L1 chiều đưa đến Ngân hàng làm thủ tục giải ngân, rồi L5 bỏ đi. Bà L1 cùng anh T3 chờ đến tối nhưng không thấy L5 về, và gọi điện thoại không được nên đi về lại huyện K.

Sau đó, bà L1 nhờ người tìm hiểu thì được biết L5 không vay, không nộp khoản tiền nào tại A2 Chi nhánh P2 nên đã nhiều lần gọi điện yêu cầu L5 trả tiền nhưng L5 không thực hiện.

Tại Kết luận giám định số 731/PC54 ngày 20/12/2016 của Phòng K4 Công an tỉnh Đ, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Thị L5 trong các tài liệu cần giám định gồm: “Giấy mượn tiền, Giấy nhận tiền, Giấy cam kết” là của Hoàng Thị L5 ký và viết ra; Chữ ký, chữ viết đứng tên H Bích N dưới mục “Người làm chứng” trong các tài liệu cần giám định là của H Bích N ký và viết ra; Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thị L1 dưới mục “Người cho vay” trong các tài liệu cần giám định là của bà Phạm Thị L1 ký và viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 288/PC54 ngày 20/6/2017 của Phòng K4 Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Chữ viết có nội dung: “2 Bìa đỏ + Hộ khẩu chứng minh” tại mục “Có vay một số tiền để sử dụng việc gia đình nên chúng tôi có thể chấp:” trong “Giấy mượn tiền” là chữ viết của Hoàng Thị L5.

- Chữ viết “2 Bìa đỏ đang thế chấp ở NH AGRBAM” tại mục “Có vay một số tiền để sử dụng việc gia đình nên chúng tôi có thể chấp:” trong “Giấy mượn tiền” là chữ viết của bà Phạm Thị L1.

- Chữ viết có nội dung: “Hôm nay ngày 9/11/2016. Cô H B2 và cùng bà L5 đã mượn số tiền ghi trên và hẹn trả nợ đúng thời hạn ghi trên” trong “Giấy mượn tiền” là chữ viết của bà Phạm Thị L1.

- Chữ viết có nội dung “Mượn” và “Kông” tại mục “Với số tiền” trong “Giấy mượn tiền” là chữ viết bị tẩy xóa, sửa chữa, điền thêm. Chữ viết nguyên thủy là “Cả” và “Cộng”. Dòng chữ nguyên thủy là: “Cả gốc cộng lãi tôi 1286.000.000”.

Kết quả nhận dạng qua Camera: Hoàng Thị L5, bà Phạm Thị L1 và anh Hoàng Văn T3 nhận dạng 05 file Camera thể hiện:

- Bà Phạm Thị L1 khẳng định: Người phụ nữ mặc áo đen, quần đen, tay phải cầm túi xách màu đen đến ngồi tại lan can cửa chính từ 09:40:57 đến 09:43:11 chính là bà L1; người đàn ông mặc quần jeans xám, áo sơ mi ngắn tay xuất hiện tại camera Sân đến ngồi tại lan can cửa chính từ 09:40:36 đến 09:49:45 chính là anh Hoàng Văn T3. Người phụ nữ mặc áo đỏ, khi đi vào cầm túi nilon màu xanh, khi đi ra không còn cầm túi nilon này từ 09:38:18 và đi ra lúc 09:49:05 chính là bà Hoàng Thị L5.

- Anh Hoàng Văn T3 khẳng định: Người phụ nữ mặc áo đen, quần đen, tay phải cầm túi xách màu đen đến ngồi tại lan can cửa chính từ 09:40:57 đến

09:43:11 chính là bà L1; người đàn ông mặc quần jeans xám, áo sơ mi ngắn tay xuất hiện tại camera Sân đến ngồi tại lan can cửa chính từ 09:40:36 đến 09:49:45 chính là anh Hoàng Văn T3. Người phụ nữ mặc áo đỏ, khi đi vào cầm túi nilon màu xanh, khi đi ra không còn cầm túi nilon này từ 09:38:18 và đi ra lúc 09:49:05 chính là bà Hoàng Thị L5.

- Hoàng Thị L5 khẳng định: Người phụ nữ mặc áo đỏ, khi đi vào cầm túi nilon màu xanh, khi đi ra không còn cầm túi nilon này từ 09:38:18 và đi ra lúc 09:49:05 chính là Hoàng Thị L5.

Tại Bản kết luận giám định số 1871/C54 ngày 19/6/ 2017 của V1, Bộ C3 kết luận: Tiếng của người phụ nữ xưng “chị” trong các tiếp tin âm thanh mẫu cần giám định là tiếng nói của bà Phạm Thị L1, tiếng nói xưng “em” trong các tiếp tin âm thanh mẫu cần giám định là tiếng nói của Hoàng Thị L5; Nội dung trao đổi xoay quanh việc bà L1 đòi nợ bà L5, trong đó tại đoạn thoại trang 2 thể hiện: bà L1 yêu cầu bà L5 cho biết việc thế chấp 02 Bìa đỏ vay Ngân hàng Đầu tư, yêu cầu bà L5 pho to cho bà L1 02 bìa đỏ này thì bà L5 xác nhận đang làm thủ tục vay, hứa sẽ pho to bìa đỏ cho bà L1 và tại trang 6,7,8 bản dịch, bà L1 yêu cầu L5 cho biết ngày trả nợ nhưng L5 chỉ hứa mà không chốt ngày trả nợ và với bà L1 đã kiện ra Công an rồi thì không trả nữa “chị kiện tui lên Công an còn trả cái nổi gì nữa”.

Tại Biên bản xác minh ngày 21/11/2016, tại Ngân hàng A2 - Chi nhánh P2, xác định: Hoàng Thị L5 không vay vốn tại Chi nhánh P2; Ngày 07/11/2016, không có khách hàng nào tên Hoàng Thị L5 thực nộp tiền trả nợ vay hoặc thực hiện việc chuyển khoản tại Chi nhánh P2.

Tại Công văn số 247/NHNoBDL-KTNB ngày 29/01/2018 của Ngân hàng N6, Chi nhánh Đ2, thể hiện: Từ năm 2010 đến năm 2018, Hoàng Thị L5 và Lê Văn M không vay vốn, trả nợ và có dư nợ tại A2 Chi nhánh P2.

2. Hoàng Thị Bích P giúp sức cho Hoàng Thị L5 chiếm đoạt của 03 bị hại tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng:

2.1. Hoàng Thị Bích P giúp sức cho Hoàng Thị L5 chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962 và bà Lê Thị L3, sinh năm 1972, cùng trú tại huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk tổng số tiền 500.000.000 đồng (trong đó P giúp sức cho Hoàng Thị L5 chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của bà Lê Thị L3, chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đ).

Đầu tháng 4/2016, thông qua Nguyễn Kiều N4 nên bà Hoàng Thị H4, cư trú tại thôn I, xã E, huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk (thời điểm này bà Hoàng Thị H4, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị A1 là cộng tác viên của Bảo hiểm nhân thọ

P3) quen biết Hoàng Thị L5 và Hoàng Thị Bích P. Thông qua bà H4, L5 và P quen biết bà Nguyễn Thị A1, bà Nguyễn Thị Đ và bà Lê Thị L3, sau đó L5 và P đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của những người trên, cụ thể:

Cuối tháng 7/2016, Hoàng Thị L5 nói với bà Hoàng Thị H4 là L5 có khoản vay tại Ngân hàng N6, Chi nhánh P2 (viết tắt là A2 Chi nhánh P2) số tiền 800.000.000 đồng cần đáo hạn, nhờ bà H4 đáo hạn giúp, thời hạn trả 05 ngày, lãi suất là 50 triệu đồng/800 triệu đồng/5 ngày, cam đoan đáo hạn xong sẽ vay lại Ngân hàng 1,2 tỉ đồng và cho bà H4 mượn số tiền còn lại để có vốn làm ăn. Tin tưởng Hoàng Thị L5 nói thật nhưng do không có tiền nên bà H4 nói bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị A1 và Lê Thị L3 góp tiền cho L5 vay. Sau đó, Hoàng Thị L5 đã lừa đảo chiếm đoạt của Lê Thị L3, bà Nguyễn Thị A1 và bà Nguyễn Thị Đ tổng số tiền 555.000.000 đồng. Cũng trong cùng vụ việc nêu trên, sau đó Hoàng Thị Bích P đã nhiều lần giúp sức cho Hoàng Thị L5 tiếp tục chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị Đ và Lê Thị L3, cụ thể:

- **Lần thứ 1:** Ngày 15/8/2016, bà Hoàng Thị H4 gọi bà Đ, bà L3 và bà A1 đến quán cà phê ở thị trấn M'Đrăk để trao đổi công việc. Tại đây, bà H4 thông báo là L5 điện thoại nói do L5 phải vay của Hoàng Thị Bích P 200 triệu đồng cho đủ 800 triệu đồng trả nợ Ngân hàng, mà tiền này bà P vay của ông K1 là Phó trưởng Công an thành phố B, nếu bà H4 cho L5 vay thêm số tiền trên để trả cho ông K1, thì ngay trong ngày ông K1 sẽ cho vay lại 1.350.000.000 đồng để L5 đủ tiền đáo hạn và vay lại Ngân hàng trả nợ cho bà H4, bà L3, bà A1, bà Đ (vì trước đó L5 đã vay của những người trên với tổng số tiền 555.000.000 đồng nhưng chưa trả). Đồng thời, bà H4 gọi điện thoại cho L5, rồi đưa máy điện thoại cho bà L3 nói chuyện với L5 và P, thì cả hai đều xác nhận nội dung như bà H4 nói là đúng. Tin tưởng L5 và P nói thật và muốn lấy lại số tiền đã cho vay nên bà L3 đồng ý và chuẩn bị số tiền 200.000.000 đồng cho L5 vay. Chiều ngày 15/8/2016, bà L3, bà A1, bà H4 và bà Đ cùng đến nhà L5 thì gặp P đã ở đó. Sau khi nghe L5 và P cam đoan, hứa hẹn như trên nên bà L3 đến ngân hàng Đ3 - Chi nhánh Đ2 rút số tiền 197.000.000 đồng (tiền này em gái bà L3 là bà Lê Thị Mỹ H7 chuyển khoản cho bà L3 vay) và bỏ thêm 3.000.000 đồng tiền mặt để đủ 200.000.000 đồng đưa cho L5. Khi giao tiền, bà H4 viết Giấy vay tiền theo mẫu in sẵn (ghi nhầm số tiền bằng số "200.000đ", nhưng số tiền ghi bằng chữ là "hai trăm triệu đồng"). Tại mục "lý do vay", bà H4 viết với nội dung là "Hùn vốn làm ăn", thấy nội dung như vậy, bà L3 yêu cầu bà H4 viết lại nhưng bà H4 không ghi mà đóng dấu ngoặc kép lại rồi đưa cho L5 ký tên vào mục người vay, bà L3 ký tên vào mục người cho vay, còn bà A1, bà Đ và bà H4 ký tên vào mục người làm chứng.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, L5 và P nói do có Bộ C3 vào đột xuất, ông K1 không đi Ngân hàng rút tiền được, hẹn ngày mai, thấy vậy bà L3 bức xúc nên

đã chửi bà H4 tại nhà L5. Sau đó, bà A1 đã rủ bà H4, bà L3 và Đ đến nhà người quen của bà A1 ngủ nghỉ để mai lấy tiền. Ngày 16/8/2016, bà L3, bà H4, bà Đ, bà A1 cùng đến nhà L5 thì không gặp ai, gọi điện thoại thì L5 nói do hôm qua bà L3 chửi bới tại nhà, bị mẹ chồng biết nói lại nên ông M (chồng L5) đuổi ra khỏi nhà, chưa vay được tiền ông K1.

- **Lần thứ 2:** Ngày 31/8/2016, Hoàng Thị Bích P và Hoàng Thị L5 gọi điện cho bà H4 và bà Đ, nói đã làm xong hồ sơ vay lại Ngân hàng số tiền 1.350.000.000 đồng nhưng cần có 100.000.000 đồng để bồi dưỡng trước cho cán bộ tín dụng, nên muốn bà H4, bà Đ cho vay thêm số tiền này để L5 làm thủ tục lấy tiền vay trả nợ tiền đã vay. Tin tưởng L5 và P nói thật và muốn thu hồi được nợ, bà Đ đồng ý tiếp tục cho L5 vay nên đã chuẩn bị số tiền 100.000.000 đồng, rồi cùng bà H4 đến quán cà phê K2 đưa cho L5 và P. Khi nhận tiền, L5 viết thông tin vào Giấy vay tiền theo mẫu in sẵn để bà H4 ký vào mục “Người cho vay” rồi đưa cho bà Đ, bà Đ thấy tại mục “Người cho vay” không có tên mình và tại mục “Thời hạn trả” để trống nên yêu cầu bà L5 bổ sung thì bà L5 nói chị em tin nhau là chính, để vậy cũng được nên bà Đức t viết thêm họ tên của mình vào mục “Người cho vay” và điền thêm chữ số “03/09/2016” vào mục “Thời hạn trả”. Sau khi nhận tiền, P nói đi đưa tiền cho cán bộ tín dụng, hẹn 03 ngày sau vay lại được Ngân hàng sẽ trả nợ nhưng thực chất là để chiếm đoạt chi tiêu cá nhân và không thực hiện vay lại tiền trả nợ.

- **Lần thứ 3:** Ngày 20/9/2016, Hoàng Thị L5 gọi điện cho bà Đ nói do nợ P 30.000.000 đồng tiền lãi và nợ em ông M (chồng L5) số tiền 40.000.000 đồng chưa trả nên ông M không chịu ký lại hồ sơ vay Ngân hàng, nếu bà Đ cho vay thêm số tiền trên để trả nợ thì ông M mới chịu ký hồ sơ vay. Sau khi bàn bạc, bà Đ đồng ý cho L5 vay nên cùng bà H4, bà A1 cầm số tiền trên đến quán cà phê K2 gặp L5 và P. Bà Đ giao tiền cho L5 và đưa Giấy vay tiền theo mẫu in sẵn cho L5, nhưng L5 lại viết nội dung là L5 vay bà P số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 23/9/2016. Bà Đ không đồng ý và yêu cầu viết lại, thì P nói để P đứng tên người cho vay vì đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của L5, nếu L5 không trả P sẽ thế chấp tài sản trên vay tiền người khác và yêu cầu L5 viết thêm nội dung thế chấp tài sản nên L5 viết bổ sung thêm nội dung dưới chữ ký người vay là “Và thế chấp 1 bìa đồ Sở nhà và Đất”, nhưng bà Đ vẫn không đồng ý thì P nói đưa G vay tiền giao cho bà Đ giữ, không cần ghi thêm nên bà Đ tự ghi thêm dòng “Nguyễn Thị Đ” vào mục “Người cho vay”. Sau khi nhận được tiền L5 và P không sử dụng trả nợ cho em ông M như đã nói mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

- **Lần thứ 4:** Ngày 09/10/2016, Hoàng Thị Bích P và Hoàng Thị L5 gọi điện cho bà H4, bà Đ nói ông M vẫn không chịu ký hồ sơ vay ngân hàng lại nên

P phải giúp L5 vay “nóng” ở ngoài trả nợ nhưng do “cò” (người giúp P vay tiền cho L5) yêu cầu phải trả trước tiền môi giới là 130.000.000 đồng thì L5 mới lấy được tiền vay nên đề nghị bà H4 cho vay thêm số tiền này, sau hai tiếng đồng hồ sẽ vay được tiền trả nợ cho các bị hại. Bà H4, bà L3, bà Đ, bà A1 bàn bạc nếu không cho vay nữa thì L5 sẽ có lý do để trì hoãn việc trả nợ, nhưng bà L3 và bà A1 không đồng ý tiếp tục cho L5 vay vì không còn tin tưởng L5 và P, nên bà Đ đã vay người khác số tiền 130.000.000 đồng để đưa cho L5 và P. Sau đó, bà H4 thuê xe ô tô của anh Nguyễn Tiến D (Dũng B) trú tại Thôn B, xã E, huyện M’Đrăk và nhờ thêm anh Nguyễn Tiến D (Dũng A) trú tại Thôn G, xã E, huyện M’Đrăk, anh Ngô Văn L6 là Công an viên Thôn I, xã E, huyện M’Đrăk đi cùng với mục đích bảo vệ số tiền L5 trả nợ. Bà A1 và bà L3 mặc dù không tin L5 trả nợ nhưng vẫn thuê xe ô tô của anh Lê Văn S, trú tại Thôn B, xã C, huyện M’Đrăk đi cùng. Trên đường đi, mọi người thống nhất khi đến nơi, chỉ xe bà Đ vào quán cà phê K2 gặp L5 và P, còn xe bà L3 vào quán khác gần đó, nếu có gì bất trắc sẽ đến hỗ trợ. Sau đó, bà Đ, bà H4, anh D A, anh L6, anh D B vào quán cà phê K2 gặp P và L5, còn bà L3, bà A1, anh S ngồi chờ tại quán cà phê khác gần đó. Tại quán cà phê K2, bà Đ xin tờ giấy học sinh của chủ quán đưa cho P viết với nội dung P vay bà Đ số tiền 130.000.000 đồng rồi ký tên và bà Đ nói nếu P không vay lại được tiền cho L5 trả nợ thì P phải có trách nhiệm trả lại số tiền này nên P ghi thêm nội dung: “Số Tiền Tôi vay Trên là chị L5 sử dụng Tôi chỉ là người đứng vay dùm Cho chị L5, nếu chị L5 không trả được cho tôi. Thì tôi không Trả được cho chị Đ, Thì chị Đức K3 Tôi Thì Chị lan phải Chịu trách nhiệm số T8 nói Trên”, rồi đưa cho L5 ký vào phần nội dung mà P ghi thêm. Sau khi viết xong giấy, bà Đ đưa 130.000.000 đồng cho P, rồi P và L5 nói đi trả tiền “cò” và vay tiền về trả cho bà Đ. Sau khi nhận tiền Phương và L5 không thực hiện như cam kết mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản kết luận giám định số 287/PC54 ngày 23/6/2017 của Phòng K4, Công an tỉnh Đ kết luận:

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Thị L5 tại mục “Người vay” của các Giấy vay tiền và Giấy mượn tiền nêu trên là do Hoàng Thị L5 ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết tên Lê Thị L3 dưới mục “Người cho vay” của Giấy vay tiền đề ngày 15/8/2016 là do bà Lê Thị L3 ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Đ dưới mục “Người cho vay” tại các Giấy vay tiền ngày 31/8/2016; Giấy vay tiền ngày 20/9/2016 và Giấy vay tiền đề ngày 09/10/2016 là do bà Nguyễn Thị Đ ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Thị H4 dưới mục “Người làm chứng” tại Giấy vay tiền đề ngày 15/8/2016 là do bà Hoàng Thị H4 ký và viết ra.

- Chữ viết có nội dung “**Lê Văn M**” dưới mục “*Chồng- Người vay*” tại Giấy vay tiền đề ngày 20/9/2016 là do **Hoàng Thị L5** viết ra.

- Chữ viết có nội dung “**Nguyễn Thị Đ**” tại mục “*Tôi có vay bà*” của Giấy vay tiền ngày 31/8/2016 và Giấy vay tiền ngày 20/9/2016 là do bà **Nguyễn Thị Đ** viết ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên **Hoàng Thị Bích P** dưới mục “*Người vay*” tại Giấy vay tiền ngày 09/10/2016 là do bà **P** viết ra.

- Chữ viết có nội dung “*và thế chấp 1 bìa đồ sổ nhà và đất*” tại Giấy vay tiền ngày 20/9/2016 là do bà **Hoàng Thị L5** viết ra.

2.2. Hoàng Thị Bích P giúp sức cho Hoàng Thị L5 chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1970, trú tại Thôn N, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk số tiền 600.000.000 đồng.

Bà **Nguyễn Thị H2** có mối quan hệ quen biết với **Hoàng Thị Bích P** từ năm 2015. Khoảng tháng 3/2017, **P, L5** và **Nguyễn Kiều N4**, (sinh năm 1978, trú tại **tổ dân phố B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**) đến nhà bà **H2** chơi, rồi **L5** nói với bà **H2** là **L5** có khoản vay 600.000.000 đồng tại **Ngân hàng N6, Phòng A2** (viết tắt là **A2 Phòng A2**) gần đến hạn trả nợ, nếu bà **H2** đáo hạn giúp, thì **L5** sẽ vay lại Ngân hàng 1,2 tỷ đồng, trả nợ và cho bà **H2** vay 600.000.000 đồng để có vốn làm ăn. Do lúc này, bà **H2** đang nợ Ngân hàng và 25 cá nhân khác với tổng số tiền là 22.170.060.000 đồng, nên bà **H2** không có tiền cho vay. Đầu tháng 5/2017, **P** liên tục gọi điện hỏi thúc bà **H2** cho **L5** vay tiền để đáo hạn ngân hàng và mời bà **H2** đến nhà **L5** chơi. Khi bà **H2** đến nhà **L5**, thì có mặt **P**, rồi cả 2 dẫn bà **H2** đi xem nhà xưởng sản xuất xe Rùa của anh **T7** nhưng giới thiệu là của gia đình **L5**, đồng thời **L5** nói nếu bà **H2** cho vay tiền, sau khi đáo hạn xong sẽ cho bà **H2** vay lại 600.000.000 đồng, bà **H2** không phải trả lãi suất cho **L5** mà chỉ trả lãi suất ngân hàng, tiền gốc được trả dần 10 năm. Bà **H4** nghĩ **L5** và **P** nói thật nên bà **H2** đồng ý. Sau đó, bà **H2** hỏi vay bà **Nguyễn Thị H5**, sinh năm 1974, trú tại **Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, thì bà **H5** lại giới thiệu bà **H2** vay ông **Trần Xuân P1**, sinh năm 1966, trú tại **3 T, thành phố B** và ông **P1** đồng ý cho bà **H2** vay số tiền trên, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn trả 05 ngày, để bà **H2** đưa cho **L5** đáo hạn Ngân hàng.

Ngày 09/5/2017, bà **H2** gọi điện hẹn gặp ông **P1** và bà **H5**, rồi cùng đi đến nhà **L5** thì gặp **P** cùng ở đó. Sau đó, bà **H2** viết Giấy vay tiền của ông **P1** theo mẫu có sẵn mà ông **P1** mang theo, ký nhận vào mục “*Người vay*” và nhận số tiền 600.000.000 đồng đưa cho **L5**, rồi xin ông **P1** mẫu Giấy vay tiền in sẵn đưa cho **L5** viết, ký vào mục “*Người vay tiền*”. Sau khi, viết xong giấy vay tiền bà **H5** yêu cầu tất cả những người có mặt cùng đến Ngân hàng nộp tiền đáo hạn, thì **P** và **L5**

nói đi đông quá mất uy tín của L5, nên ông P1 về trước còn bà H5 giả vờ ra về rồi đến trước Agribank Phòng giao dịch A2 chờ trước. Khi bà H2, L5 và P đi đến gần Agribank Phòng giao dịch A2, thì P và bà H2 vào quán C4 cạnh đó ngồi chờ, còn L5 cầm túi nilon màu đỏ đựng 600.000.000 đồng đi vào Agribank Phòng giao dịch A2 nhưng không vào làm thủ tục nộp tiền đáo hạn mà đưa cho người phụ nữ mặc áo đỏ (*chưa xác định là ai*) đang ngồi chờ tại dãy ghế khách hàng, rồi L5 tiếp tục đến Quầy giao dịch số 3, hỏi chị Đỗ Lê Huy H8, là nhân viên giao dịch về thủ tục vay vốn, chị H8 hướng dẫn L5 đi lên tầng trên gặp cán bộ tín dụng. Khi L5 đi lên tầng trên quan sát thấy người phụ nữ mặc áo đỏ đã cầm sổ tiền vay của bà H2 ra về, nên để cho bà H2 không nghi ngờ thì L5 ra quán cà phê Xuân H9 nói với bà H2 là đã nộp tiền vào Ngân hàng, chờ đến chiều lấy Phiếu thu nên tất cả đi về nhà L5. Đến chiều L5 lấy lý do chồng bị tai nạn giao thông để bỏ đi khỏi nhà. Sau khi, biết L5 không nộp tiền vào Ngân hàng để đáo hạn như đã nói, bà H2 gọi điện cho P và được P cho biết là bà H2 bị L5 lừa, vì L5 nói với P là L5 không vay, không nộp tiền đáo hạn Ngân hàng mà đã đưa tiền cho Nguyễn Kiều N4 chờ sẵn trong Ngân hàng.

Tại Bản kết luận giám định số 295/PC54 ngày 28/5/2017 của Phòng K4 Công an tỉnh Đ, kết luận: *Chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Thị L5 trong “Giấy vay tiền” ngày 09/5/2017 (trừ chữ viết có nội dung “2 ngày” tại mục Thời gian vay) là chữ viết và chữ ký của Hoàng Thị L5; Chữ viết có nội dung “2 ngày” tại mục “Thời gian vay” trong tài liệu cần giám định là do bà Nguyễn Thị H2 viết ra.*

Tại Bản kết luận giám định số 2948/C54(P6) ngày 16/8/2017 của V1 Bộ C3 kết luận:

- Tập tin Camera Q3.mp4: Hình ảnh người phụ nữ mặc áo xám, tóc búi gọn đến ngồi tại Quầy giao dịch từ 10:32:14 đến 10:32:41 và từ 10:34:06 đến 10:40:42 ngày 09/5/2017 là Hoàng Thị L5.

- Tập tin C5(1).mp4: Hình ảnh người phụ nữ mặc áo xám, tay xách túi nilon màu đỏ đi vào cửa chính lúc 10:31:32 ngày 09/5/2017 rồi rẽ trái, đến 10:32:06 đến ngồi tại Quầy giao dịch ; lúc 10:32:41 rời quầy giao dịch đi lên cầu thang, đến 10:34:05 quay lại Quầy giao dịch là Hoàng Thị L5.

- Thời gian ghi hình của 05 tập tin gửi giám định là ngày 09/5/2017. Không phát hiện dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa trong 05 tập tin video gửi giám định.

Kết quả nhận dạng qua Camera: Tại tập tin Camera C.mp4, tập tin Camera QGD(2).mp4, tập tin C6(3).mp4, thì bà Nguyễn Thị H2 và Hoàng Thị L5 đều khẳng định: *Người phụ nữ mặc áo xám xuất hiện tại Camera chính là Hoàng Thị L5.*

Tại Biên bản xác minh ngày 16/5/2017, tại [Agribank Phòng giao dịch A2](#) xác định: Từ trước đến nay, hộ ông [Lê Văn M](#) và vợ là [Hoàng Thị L5](#) chưa vay vốn tại [Phòng A2](#) lần nào; Ngày 09/5/2017, [Hoàng Thị L5](#) không thực hiện bất kỳ giao dịch nào (trả nợ, nhận tiền, chuyển khoản, gửi tiền tiết kiệm ...) tại [Ngân hàng N6 - Phòng A2](#).

Tại Công văn số 247/NHNoBDL-KTNB ngày 29/01/2018 của [Ngân hàng N6, Chi nhánh Đ2](#), thể hiện: Từ năm 2010 đến năm 2018, [Hoàng Thị L5](#) và [Lê Văn M](#) không vay vốn, trả nợ và có dư nợ tại [Agribank Phòng giao dịch A2](#).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo [H Bích N](#) và bị cáo [Hoàng Thị Bích P](#) phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo [H Bích N](#) 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 06/02/2023 đến ngày 22/3/2023.

2.2. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo [Hoàng Thị Bích P](#) 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 04/02/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31/8/2023 các bị cáo [H Bích N](#), [Hoàng Thị Bích P](#) có đơn kháng cáo cùng nội dung kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Các bị cáo [H Bích N](#), [Hoàng Thị Bích P](#) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan.

Ý kiến của bị cáo [H Bích N](#): bị cáo thấy không có hành vi giúp sức cho bị cáo [Hoàng Thị L5](#) vì không có việc đưa ra thông tin gian dối là [L5](#) có nhu cầu vay tiền để đáo hạn ngân hàng; cả hai lần ký tên với tư cách là người làm chứng là do bị hại nhờ ký hộ để cho đảm bảo, [L5](#) không nhờ; đồng thời cũng không hưởng lợi

gì từ L5, chính L5 cũng khẳng định điều này. Vì vậy hành vi của bị cáo không đồng phạm cùng bị cáo L5, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Hoàng Thị Bích P: bị cáo không có hành vi giúp sức cho bị cáo L5, các bị hại cho L5 vay tiền là do các bị hại và L5 quen biết nhau, bị cáo cũng có quen biết vì cùng ở địa phương; bị cáo không có bàn bạc gì với L5 và cũng không hưởng lợi gì từ việc L5 vay tiền của các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tránh oan sai cho bị cáo.

Ý kiến của Luật sư Nguyễn Văn T1: Việc vay mượn tiền giữa bị cáo Hoàng Thị L5 với ông Võ Tá B và bà Phạm Thị L1, bị cáo H Bích N chỉ thực hiện hành vi duy nhất là ký tên vào phần “người làm chứng”, ngoài ra không viết hay ký tên vào phần nào khác. Qua các kết luận giám định của Công an tỉnh Đ các băng ghi hình, ghi âm và nhận dạng cũng không chứng minh được sự có mặt H Bích N trong các lần hai bên vay, mượn hay bàn bạc thỏa thuận gì; không có chứng cứ trực tiếp nào chứng minh hành vi phạm tội của H Bích N ngoài lời khai thiếu khách quan của các bị hại; cơ quan điều tra chưa tiến hành đối chất ba bên giữa các bị hại với H Bích N và bị cáo L5. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm tuyên bị cáo vô tội.

Ý kiến của Luật sư Vũ Hoàn L: thống nhất như ý kiến của Luật sư T1.

Ý kiến của Luật sư Phạm Văn N2: Hoàng Thị Bích P bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm là oan cho P. Bởi vì hành vi của P chỉ đơn thuần là do có sự quen biết giữa các bên nên rủ nhau đi cùng, còn việc vay mượn giữa bị cáo L5 và các bị hại là do các bên tự thực hiện; P không có tác động và cũng không bàn bạc, hưởng lợi gì trong việc vay mượn của L5; đồng thời chính bị cáo L5 cũng đã có nhiều lời khai khẳng định P không có liên quan gì và về phần bồi thường dân sự đã tự nguyện chịu không có khiếu nại gì. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm tuyên P không phạm tội.

Ý kiến Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: các bị cáo H Bích Niê, Hoàng Thị Bích P kháng cáo còn trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận. Tại phiên toà không trích xuất được bị cáo L5 và vắng mặt các người bị hại: ông Võ Tá B, bà Phạm Thị L1, bà Lê Thị L3, bà Nguyễn Thị H2. Tuy nhiên đây là phiên toà hình sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và lời khai của các bị hại đã có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung: hành vi của bị cáo H Bích N và Hoàng Thị Bích P như kết luận điều tra và bản cáo trạng đã nêu phù hợp với lời khai của các bị hại và nhân chứng trong vụ án; thể hiện hai bị cáo có sự giúp sức nên các bị hại mới tin tưởng

cho bị cáo L5 vay; đồng thời trong các lần vay tiền đều có mặt hai bị cáo. Mặc dù các bị cáo và bị cáo L5 không thừa nhận nhưng với những hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với vai trò đồng phạm là giúp sức. Do đó, kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: xét thấy, kháng cáo các bị cáo H Bích N, Hoàng Thị Bích P còn trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử đã làm thủ tục trích xuất bị cáo L5 nhưng không được và vắng mặt các bị hại gồm: ông Võ Tá B, bà Phạm Thị L1, bà Lê Thị L3, bà Nguyễn Thị H2 nhưng đây là phiên tòa phúc thẩm hình sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; xét thấy việc xét xử vắng mặt những người này cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật tố tụng tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo H Bích N và bị cáo Hoàng Thị Bích P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các bị cáo cho rằng lời khai của các bị hại và người làm chứng là không đúng, không khách quan, các bị cáo không có quen biết và không giới thiệu các bị hại cho Hoàng Thị L5 để L5 vay tiền và giúp sức cho L5 chiếm đoạt tiền của các bị hại, nên các bị cáo không phạm tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị hại ông Võ Tá B, bà Phạm Thị L1, bà Lê Thị L3, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H2 đều đã khai toàn bộ diễn biến sự việc đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên. Lời khai của các bị hại là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với kết quả giám định chữ ký, chữ viết trên các giấy vay tiền; đồng thời các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án cũng phù hợp với lời khai của các bị hại và lời khai của những người làm chứng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, mặc dù không có nhu cầu đáo hạn ngân hàng nhưng Hoàng Thị L5 đã đưa ra thông tin gian dối là cần tiền đáo hạn, sau khi đáo hạn sẽ vay lại để trả nợ cho những người vay với lãi suất cao, làm cho các bị hại tin tưởng, giao tiền và L5 đã chiếm đoạt tiền của các bị hại. Các bị cáo H Bích N và Hoàng Thị Bích P biết rõ Hoàng Thị L5 không có nhu cầu đáo hạn ngân hàng nhưng đã có hành vi giúp sức cho L5 là cùng đưa ra các thông tin gian dối, cùng với L5 cam kết, hứa hẹn với các bị hại, làm cho các bị hại tin tưởng giao tài sản cho L5 chiếm đoạt. Cụ thể; H Bích N đã giúp sức cho

L5 chiếm đoạt của các bị hại số tiền là 2.130.000.000 đồng; trong đó của ông **Võ Tá B** là 850.000.000 đồng và bà **Phạm Thị L1** là 1.280.000.000 đồng. **Hoàng Thị Bích P** giúp sức cho L5 chiếm đoạt của các bị hại số tiền là 1.100.000.000 đồng; trong đó của bà **Lê Thị L3** là 200.000.000 đồng, bà **Nguyễn Thị Đ** là 300.000.000 đồng và bà **Nguyễn Thị H2** là 600.000.000 đồng. Xét thấy, hành vi của **H Bích N** và **Hoàng Thị Bích P** đã tạo điều kiện cho L5 chiếm đoạt tài sản của các bị hại, nên các bị cáo đã đồng phạm với vai trò giúp sức.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo trình bày cho rằng theo sự hiểu biết của các bị cáo thì với hành vi của các bị cáo không phạm tội và ý kiến của các Luật sư bào chữa cho rằng không đủ căn cứ kết luận các bị cáo đồng phạm với **Hoàng Thị L5**, nên các bị cáo không phạm tội, là không có căn cứ chấp nhận. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả các bị cáo **H Bích N** và **Hoàng Thị Bích P** gây ra, Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã giúp sức cho bị cáo L5 có điều kiện phạm tội, xâm phạm đến tài sản của các bị hại; đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an chung của xã hội. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình; cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian, tương xứng với vai trò và mức độ tham gia, để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và để đảm bảo tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo đã xem xét, đánh giá và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như: về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo **H Bích N** 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, còn bị cáo **Hoàng Thị Bích P** 05 lần thực hiện hành vi phạm tội, nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với bị cáo **H Bích N**, là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Ê Đê), trình độ văn hoá thấp 03/12 nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế; nhưng lại áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có thiếu sót, lẽ ra phải áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 mới đúng. Toà án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo **H Bích N** 14 năm tù, bị cáo **Hoàng Thị Bích P** 13 năm tù là quá nghiêm khắc.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy về tính chất, vai trò, mức độ và nhân thân của các bị cáo: bị cáo **H Bích N** và **Hoàng Thị Bích P** đều

có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nếu xét xử trong cùng một vụ án với bị cáo **Hoàng Thị L5** thì 02 bị cáo chỉ là người giúp sức trong vụ án có đồng phạm nhưng có vai trò tham gia không đáng kể, số tiền mà bị cáo **L5** chiếm đoạt của các bị hại không lớn và cả 02 bị cáo đều không hưởng lợi từ vụ án “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm hình phạt cho 02 bị cáo. Ý kiến của kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Do bản án bị sửa nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **H Bích N** và bị cáo **Hoàng Thị Bích P**; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Tuyên bố: Bị cáo **H Bích N** và bị cáo **Hoàng Thị Bích P** phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

3. Về hình phạt:

3.1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm m khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo **H Bích N** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 06/02/2023 đến ngày 22/3/2023.

3.2. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo **Hoàng Thị Bích P** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 04/02/2023.

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo **Hoàng Thị Bích P** các tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu **S1**, màu xanh đen, số Imel 1 357625/08/401143/9, Imel 2 357651/08/401143/5 (điện thoại đã qua sử dụng, màn hình trước bị nứt bể, không sim điện thoại, không kiểm tra tình trạng hoạt động) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, Model RM 1187, số Imel 1 357307083310902, Imel 2 357307083310910 (không kèm sim điện thoại, điện thoại đã qua sử dụng, dạng bàn phím bấm, không kiểm tra tình trạng hoạt động).

*(Vật chứng có đặc điểm cụ thể như Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 07/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** và Cục thi hành án dân sự tỉnh **Đắk Lắk**).*

5. Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2019/HS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh **Đắk Lắk**.

6. Về án phí: áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo **H Bích N** và **Hoàng Thị Bích P**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh **Đắk Lắk**;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh **Đắk Lắk**;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh **Đắk Lắk**;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh **Đắk Lắk**;
- Sở Tư pháp tỉnh **Đắk Lắk**;
- Cục THADS tỉnh **Đắk Lắk**;
- Trại tạm giam công an tỉnh **Đắk Lắk**;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Thông

